

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 175/2022/DS-ST
Ngày: 25-5-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

Ông **Châu Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Huỳnh Thanh Tân**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Văn H**, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: ấp Kinh M, xã Vĩnh Th, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

+ Đại diện theo ủy quyền: Anh **Trần Trường Gi**, sinh năm 1988; (có mặt).

Nơi cư trú: số 300, quốc lộ 62, Khu phố B, Phường M, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị D**, sinh năm 1999; (vắng mặt)

Bà **Châu Thị Lùng B**, sinh năm 1961; (có mặt)

Nơi cư trú: ấp Quang Th, xã Quon L, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Trường Gi trình bày:

Ông Võ Văn H có cho bà Châu Thị Lùng B và chị Lê Thị D mượn tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 09/10/2018 (01/9/2018 AL) cho bị đơn mượn 75.000.000 đồng để làm vốn mua bán, thỏa thuận trả góp 09 tháng (không thỏa thuận trả mỗi tháng bao nhiêu tiền), không tính lãi. (Bà B, chị D có ký tên mượn tiền, có xác nhận của Ban quản lý ấp Quang Th, xã Quơn L ngày 17/10/2018).

- Cùng ngày 09/10/2018 (01/9/2018 AL) cho chị D mượn 55.000.000 đồng để cho chị D, bà B làm vốn mua bán, thỏa thuận trả góp vốn gốc trong hạn 08 tháng, không tính lãi. Chị D viết giấy mượn tiền và ký tên, bà B không có ký tên.

- Ngày 07/11/2018 (01/10/2018 AL) cho chị D và bà B mượn 25.000.000 đồng để trả nợ buôn bán, thỏa thuận trả góp trong 09 tháng (không nói rõ tháng góp bao nhiêu), không tính lãi. Chị D viết giấy biên nhận và ký tên, bà B cùng ký tên vào giấy mượn tiền.

- Ngày 17/11/2018 cho bà B, chị D mượn tiếp số tiền 75.000.000 đồng để trả tiền mua vật liệu xây dựng nhà, số tiền này thỏa thuận trả góp trong 08 tháng (không nói rõ tháng góp bao nhiêu), không tính lãi. Chị D tự viết giấy biên nhận và ký tên, bà B ký tên vào vào giấy mượn tiền.

Tổng cộng 04 lần vay: 230.000.000 đồng. Tổng số tiền bà B, chị D trả góp cho ông H là 10.800.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc 219.200.000 đồng. Ngày 17/12/2018 bà B và chị D làm giấy cam kết thống nhất trả hết số tiền 219.200.000 đồng, hình thức trả góp mỗi ngày 800.000 đồng, trả đến ngày 17/9/2019 (tổng cộng 274 ngày) là hoàn tất nợ. Giấy cam kết do chị D tự viết và cùng bà B ký tên vào.

Khi cho mượn tiền bà B và chị D có đưa cho ông H giữ bản chính hợp đồng chuyển nhượng đất (viết tay) giữa Nguyễn Văn H và Châu Thị Lùng B để làm tin, ông H không có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà Châu Thị Lùng B và chị Lê Thị D phải trả 219.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ông H trả lại cho bà B bản chính hợp đồng tay chuyển nhượng đất giữa Nguyễn Văn H và Châu Thị Lùng B khi trả hết nợ.

+ Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn chị Lê Thị D và bà Châu Thị Lùng B trình bày:

Chị D và bà B chỉ vay của ông Võ Văn H có 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: ngày 09/10/2018 mượn số tiền 55.000.000 đồng, chị D tự viết giấy mượn tiền, không có mẹ (bà B) ký tên vào.

- Lần 2: ngày 01/10AL (do chị D ghi và không có ghi năm nhưng mượn trước ngày 17/10/2018) chị D và bà B có ký tên vào giấy cho mượn tiền.

Tổng 02 khoản nợ là 80.000.000 đồng, trả được cho ông H 5.000.000 đồng, còn lại 75.000.000 đồng.

Đối với giấy cam kết ngày 17/12/2018 có nội dung “... trả góp cho ông H mỗi ngày 800.000 đồng trong hạn 09 tháng” do chị D tự viết sau đó chị D và bà B cùng ký tên. Chị D và bà B không có yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký.

Nay chị D, bà B chỉ đồng ý trả cho ông H số nợ 75.000.000 đồng, nhưng xin trả dần trong 08 tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng. Không chấp nhận trả số tiền 219.200.000 đồng theo yêu cầu của ông H.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Trường Gi vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không có thay đổi bổ sung.

Bị đơn bà Châu Thị Lùng B đồng ý cùng với con bà (chị D) trả theo yêu cầu của nguyên đơn số tiền 219.200.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết nợ.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chị Lê Thị D và bà Châu Thị Lùng B trả 219.200.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Xét quan hệ pháp luật giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Chị Lê Thị D vắng mặt tại phiên tòa không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị D.

[3] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền 219.200.000 đồng trên cơ sở các giấy mượn tiền và giấy cam kết có nội dung “... trong vòng 09 tháng kể từ ngày 17/12/2018 đến 17/9/2019 tôi phải thanh toán đủ theo số tiền hợp đồng mỗi 1 ngày 800.000 đồng góp trong vòng 09 tháng...”. Giấy cam kết chị D và bà B thừa nhận do chị D viết và cùng ký tên. Căn cứ vào nội dung giấy cam kết và các giấy mượn tiền là phù hợp với số tiền ông H yêu cầu chị D và bà B phải trả.

Bị đơn bà Châu Thị Lùng B đồng ý cùng với chị D trả số tiền 219.200.000 đồng cho ông H nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết nợ. Lời trình bày xin trả dần của bà B không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn

chấp nhận, không phù hợp với quy định pháp luật, do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến trình bày của chị Lê Thị D cho rằng ông H đã gộp số tiền vốn và lãi để viết biên nhận mới nhiều lần, chị quên không lấy lại biên nhận cũ, ông H tính lãi 30%/tháng nên mới ra số tiền đó. LỜI trình bày của chị D không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời thừa nhận của bà B tại phiên tòa; chị D không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với “Giấy hợp đồng tay” về việc chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Văn H cho bà Châu Thị Lùng B, nguyên đơn đồng ý giao trả lại cho bị đơn.

Từ các phân tích nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc chị Lê Thị D và bà Châu Thị Lùng B liên đới phải trả cho ông Võ Văn H số tiền 219.200.000 đồng. Ông H trả lại cho bị đơn bản chính “Giấy hợp đồng tay” về việc chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Văn H cho bà Châu Thị Lùng B.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là phù hợp với quá trình giải quyết vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn H.

Buộc chị Lê Thị D và bà Châu Thị Lùng B liên đới phải trả cho ông Võ Văn H số tiền 219.200.000 đồng. Ông H trả lại cho bị đơn bản chính “Giấy hợp đồng tay” về việc chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Văn H cho bà Châu Thị Lùng B.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Lê Thị D và bà Châu Thị Lùng B phải chịu 10.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn 5.480.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005167 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; chị Lê Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Phương